

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 25/2019/HC-ST

Ngày: 18-11-2019

V/v “*Khiếu kiện Quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản
lý Nhà nước về đất đai*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phùng Thị Hoài Phương

2. Bà Hoàng Thị Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Huyền Trang- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hương- Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2019/TLST-HC ngày 08- 5- 2019; về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HC ngày 29/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2019/QĐST-HC ngày 13/11/2019 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn Trung Hậu, xã Ninh Loan, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư **Hoàng Ngọc L** - Văn phòng luật sư Hoàng Ngọc Liệu thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ: Số 17 đường Bà Triệu, Phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Đ

Địa chỉ trụ sở: Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Văn Ph g**, chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Nguyên H**, chức vụ: Phó chủ tịch (Theo giấy ủy quyền số 20/GUQ-UBND ngày 30/5/2019); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Phan Anh T**, chức vụ: Phó trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện Đ; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Đường Thị H**, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 50, thôn Thịnh Long, xã Ninh Loan, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông **Nguyễn Thái V**, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 220, thôn Hiệp Thành 2, xã Tam Bồ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2012, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L được tóm tắt như sau:

Năm 1980, gia đình bà L đi kinh tế mới vào xã Ninh Loan, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và được Nhà nước cấp cho mẹ bà là cụ Trần Thị Rần (tên thường gọi là Thanh) diện tích đất để sản xuất trong đó có 130m² đất thuộc thửa 592 tờ bản đồ 08 để làm nhà ở. Ngày 30/9/1995, cụ Rần được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 531996, cấp ngày 30/9/1995 (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) đối với thửa đất nêu trên. Ngày 23/8/2007, cụ Rần lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 592 cho bà Bùi Thị L. Ngày 19/9/2007, UBND huyện Đ đã thực hiện việc cấp GCNQSD đất số AK 796147 cho bà L.

Phần diện tích đất trên gia đình bà đã sử dụng ổn định, liên tục, thực hiện nghĩa vụ thuế hàng năm đầy đủ và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Ngày 26/10/2012, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 2625/QĐ-UBND thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất số AK 796147 đã cấp cho bà L làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà nên ngày 31/10/2012 bà L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 26/10/2012 của UBND huyện Đ.

Người đại diện của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày:

Năm 2012, UBND huyện Đ nhận được đơn tố cáo của một số hộ dân tại xã Ninh Loan, huyện Đ về việc cấp GCNQSD thửa đất 592/130m² từ bản đồ 08 tọa lạc tại xã Ninh Loan, huyện Đ là trái quy định của pháp luật. Qua kiểm tra, xác minh nội dung tố cáo thấy thửa đất 592/130m² từ bản đồ 08 tọa lạc tại xã Ninh Loan, huyện Đ được tách ra từ thửa 40/4.997m² từ bản đồ 08 tọa lạc tại xã Ninh Loan. Thửa đất 40 là đất bờ đập hồ thủy lợi Núi Pô do UBND xã Ninh Loan quản lý. Tại trang 148 sổ mục kê không thể hiện thửa 592 được tách ra từ đâu, chỉ thể hiện chủ sử dụng đất là bà Trần Thị Rần. Tại sổ theo dõi biến động đất đai của xã Ninh Loan không có nội dung gì về việc tách thửa, thay đổi ranh giới, chủ sử dụng đất. Như vậy, năm 1995, bà Rần đã tự khai phá làm nhà ở, không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Sau đó, cán bộ địa chính đã tự ý tách thửa đất trên bản đồ, không chỉnh lý trong sổ mục kê ruộng đất và UBND xã Ninh Loan đã lập hồ sơ đề nghị UBND huyện Đ cấp GCNQSD đất số B 531996 ngày 30/9/1995 cho bà Trần Thị Rần là trái quy định pháp luật.

Năm 2007, cụ Rần làm thủ tục tặng cho cho con gái là Bùi Thị L thửa đất 592 nêu trên nhưng quá trình lập thủ tục, UBND xã Ninh Loan và cán bộ phòng chuyên môn không phát hiện việc cấp sai quy định nên tiếp tục đề nghị UBND huyện Đ cấp GCNQSD đất số AK 796147 ngày 19/9/2007 cho bà Bùi Thị L.

Căn cứ vào Báo cáo số 147/BC-TTr ngày 24-9-2012 của Thanh tra huyện Đ; căn cứ khoản 2 Điều 25 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ, UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 26/10/2012 thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất đã cấp cho bà Bùi Thị L đối với thửa 592/130m² từ bản đồ 08 tọa lạc tại xã Ninh Loan, huyện Đ là đúng quy định của pháp luật. Do vậy, người bị kiện không đồng ý với nội dung khởi kiện của bà Bùi Thị L yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2625/QĐ-UBND nêu trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đường Thị Hương trình bày :

Nguồn gốc một phần thửa đất 592, từ bản đồ số 08, xã Ninh Loan, huyện Đ trước đây là đất ruộng diện tích không đủ 130m². Năm 2004, bà đã thấy cụ Trần Thị Rần làm 01 căn nhà tạm để ở. Đến khoảng năm 2006 cụ Rần về ở lại với con gái là bà Bùi Thị L nên căn nhà trên không có ai ở và sau đó căn nhà đã được tháo dỡ. Phần diện tích đất trên theo bà biết thì thuộc hồ Núi Pô nên việc UBND huyện Đ thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà L là đúng quy định của pháp luật.

Vụ án đã được tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo thủ tục chung; tổ chức đối thoại nhưng không được.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 02/2014/HC-ST ngày 23/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 29, điểm a khoản 2 Điều 163 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH ngày 27/02/2009. Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L về việc yêu cầu UBND huyện Đ hủy bỏ Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 26/10/2012.

2. Về án phí: Buộc bà L phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm nộp theo biên lai số 0000032 ngày 27/11/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

Đến ngày 02/6/2014, bà L có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại bản án hành chính phúc thẩm số 24/2014/HC-PT ngày 23/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2014/HC-ST ngày 23/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đ về việc “*Khởi kiện Quyết định hành chính*”.

2. Về án phí: bà Bùi Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005924 ngày 09/6/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Tại Quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm số 27/2018/KN-HC ngày 19/11/2018 Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 24/2014/HC-PT ngày 23/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 06/2019/HC-GĐT ngày 22/02/2019 của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:

1. Chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy bản án hành chính phúc thẩm số 24/2014/HC-PT ngày 23/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng và bản án số 02/2014/HC-ST ngày 23/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đ; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hội đồng xét xử giám đốc thẩm ra quyết định.

Tại phiên tòa, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 26/10/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Đ; người đại diện của người bị kiện UBND huyện Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng vắng mặt vẫn giữ nguyên nội dung trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện của bà Bùi Thị L, hủy Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 26/10/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của người khởi kiện; người bị kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và các văn bản pháp luật có liên quan; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, người đại diện của người bị kiện UBND huyện Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính để tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện: Ngày 31/10/2012, bà Bùi Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 26/10/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Đ. Căn cứ Khoản 2, Điều 3; Điều 30, Điều 32 của Luật tố tụng Hành chính xác định đối tượng “*Khởi kiện Quyết định Hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng Hành chính.

[2] *Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung của Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 26/10/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Đ*.

Xuất phát từ việc bà Bùi Thị L cho rằng nguồn gốc thửa đất 592 diện tích 130m², tờ bản đồ số 08, xã Ninh Loan, huyện Đ được gia đình bà sử dụng từ năm 1980. Quá trình sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho mẹ bà là cụ Trần Thị Rần. Sau đó, cụ Rần đã tặng cho bà L và bà L cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện Đ lại ban hành quyết định số Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 26/10/2012 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà L số AK 796147 ngày 19/9/2007 làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà nên bà khởi kiện yêu cầu hủy quyết định trên. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như tại phiên tòa hôm nay; Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Nguồn gốc thửa đất 592, tờ bản đồ số 08, xã Ninh Loan do cụ Trần Thị Rần là người dân đi xây dựng vùng kinh tế mới vào xã Ninh Loan khai phá và sử dụng từ năm 1980. Cụ thể tại biên bản làm việc ngày 10/5/2012 (bút lục số 117) do Phòng tài nguyên và môi trường huyện Đ làm việc với bà Vũ Thị Nga, bà Nguyễn Thị Nhiệm và bà Đường Thị Hoàng là những người có đơn tố cáo việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Bùi Thị L thể hiện nội dung “*Vào năm 1982-1983 Nhà nước xây dựng hồ thủy lợi Yên Ngựa tại xã Ninh Loan. Lúc đó có bà Trần Thị Rần (tên thường gọi là Thanh) là người già cả trong xã có xin xã cho làm nhà tạm trên đất cửa đập tràn và được xã đồng ý*”. Tại Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tại chính cũng thể hiện nguồn gốc sử dụng thửa đất 592 là do cụ Rần tự khai phá năm 1980 (bút lục 97). Tại biên bản lấy lời khai của ông Vũ Văn Khương nguyên là cán bộ địa chính xã Ninh Loan từ năm 1999- 2009 cho biết cụ Rần sử dụng đất từ năm 1980 (bút lục 155). Tại biên bản xác minh do Tòa án lập ngày 12/9/2019, cán bộ địa chính xã Ninh Loan đã cho biết thì theo nắm bắt thông tin cụ Rần đã sử dụng thửa đất từ thời điểm làm hồ núi Pô khoảng năm 1990. Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Thái Vinh nguyên là chủ tịch Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã Ninh Loan trước đây cũng khẳng định việc UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Rần thửa đất nêu trên là đúng quy định của pháp luật lúc bấy giờ.

Ngày 28/7/1995, cụ Rần đã có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa 592 và đã được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã Ninh Loan xác nhận đủ điều kiện cấp quyền sử dụng đất vào đơn đăng ký quyền sử dụng đất (bút lục 86). Căn cứ vào Tờ trình số 21/TT/UB ngày 02/9/1995 của Ủy ban nhân dân xã Ninh Loan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ đã ban hành Quyết định số 655/QĐ-UB ngày 30/9/1995 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ trong có có cụ Rần. Quá trình xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thực hiện thẩm tra xác minh (bút lục 90) và công khai hồ sơ đăng ký kê khai theo đúng quy định (bút lục 214). Như vậy, cụ Rần đã thực hiện đúng nghĩa vụ của người sử dụng đất về việc kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của Luật đất đai năm 1993.

Tại khoản 1 Điều 2 Luật đất đai năm 1993 quy định “1- Người sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.”

Trên tờ bản đồ đo đạc năm 1995 lưu giữ tại UBND xã Ninh Loan; trích tờ bản đồ số 08, xã Ninh Loan do Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ cung cấp (bút lục 112); trích tờ bản đồ do Phòng tài nguyên và môi trường huyện Đ cung cấp (bút lục 123) thể hiện có thửa đất 592.

Tại sổ mục kê năm 1995 ghi thửa 40 tên chủ sử dụng đất là Ủy ban nhân dân xã quản lý diện tích 4.997m² (đất đập tràn); thửa 592 tên chủ sử dụng đất là cụ Rần diện tích 130m² đất ở (bút lục 27, 30). Người bị kiện thừa nhận sổ theo dõi biến động đất đai xã Ninh Loan không thể hiện việc tách thửa 592 từ thửa 40. Tại biên bản làm việc (bút lục 277) Chủ tịch UBND xã Ninh Loan cho biết thửa 592 và thửa 40 là hai thửa đất độc lập. Đại diện UBND huyện Đ cho rằng cán bộ địa chính tự ý tách thửa nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Nhưng theo ông Vũ Ngọc Phi, là cán bộ địa chính xã từ năm 1986 đến năm 1997 thì chính ông Phi là người dẫn điền đo đạc cùng địa chính huyện hướng dẫn đăng ký quyền sử dụng đất và tham mưu cấp quyền sử dụng đất cho bà Rần. Thửa đất 592 tồn tại từ đó cho đến nay và là thửa độc lập chứ không phải tách từ thửa 40. Do vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện Đ cho rằng thửa đất 592/130m² được tách ra từ thửa đất số 40/4.997m² tờ bản đồ số 08 xã Ninh Loan (thể hiện trong sổ mục kê là đất bờ đập thủy lợi Núi Pô) là không đúng.

Ngoài ra, người bị kiện cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác thể hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L là trái pháp luật. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 2625/QĐ-UBND thu hồi, hủy bỏ GCN QSD đất số AK 796147 đã cấp cho bà Bùi Thị L là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, hủy Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 26/10/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà L số AK 796147 ngày 19/9/2007.

[4] Về chi phí tố tụng: Quá trình thu thập chứng cứ, người khởi kiện yêu cầu Tòa án đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ, nộp tạm ứng chi phí số tiền 3.608.000 đồng. Người khởi kiện tự nguyện chịu chi phí trên và đã quyết toán xong nên Tòa án không đề cập tại phần quyết định của bản án.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Do bà L đã thi hành án phí theo bản án sơ thẩm, phúc thẩm đã bị hủy nên Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ có trách nhiệm thoái thu hoàn lại án phí cho bà L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 158; Điều 191; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 206; Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L.

Hủy Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 26/10/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà L số AK 796147 ngày 19/9/2007.

2. Về án phí: Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ phải nộp 300.000 đồng án phí hành

chính sơ thẩm.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ thoái thu để hoàn trả số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm, 200.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà Bùi Thị L đã nộp theo các biên lai số AA/2012/0000032 ngày 27/11/2012 và biên lai thu số AA/2012/0005924 ngày 09/6/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh LĐ;
- TANDCC tại TP HCM;
- UBND tỉnh Lâm Đồng
- Đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dư Thành Trung

Các Hội thẩm

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Tư

Phùng Thị Hoài Phương

Nguyễn Kim Đồng

Hồ sơ thể hiện:

1. Quyết định số 1126/QĐ-UB tuy có ghi chiều dài, chiều rộng của tứ cận; trong khi đó không thể hiện biên bản giao đất, nên không có căn cứ xác định diện tích đất ông Đa được giao và đã quản lý.
2. Việc giao đất cho ông Điện, hiện hồ sơ cũng thất lạc; Khi ông Đa chuyển nhượng đất, được ông Điện ký giáp ranh “đất ông Đa chuyển nhượng giáp đất ông Điện”
3. Tài liệu thu thập đo đạc cũng thể hiện diện tích đất ông Điện được cấp, nay chuyển nhượng cho ông Nhân giáp với đất ông Đa đã chuyển nhượng.
4. Đề xuất: Bác đơn khởi kiện của ông Đa.